

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm y tế khu vực Văn Bàn
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Văn Bàn năm 2026-2027
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế khu vực Văn Bàn năm 2026-2027
- Giá gói thầu: 6.033.515.484 VND
- Nguồn vốn: Nguồn thu của đơn vị.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (lựa chọn nhà thầu qua mạng)
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn - 01 túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 730 ngày
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
- Hàng hóa mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa.
- Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Yêu cầu về kỹ thuật

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
1.	Băng bột bó loại 12,5 cm x 4,6m	<p>Làm tối thiểu từ bột thạch cao $\geq 97\%$. Gạc 100% Cotton.</p> <p>Khối lượng của thạch cao khoảng 400g/m² – 420g/m², Khối lượng gạc 28g/m² --- 29g/m².</p> <p>Thời gian ngâm nước khoảng 4s - 5s, Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng $\geq 12,5$cm, chiều dài ≥ 460cm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	6 cuộn/túi
2.	Băng bột bó loại 7,5cm x 4,6m	<p>Làm tối thiểu từ bột thạch cao $\geq 97\%$. Gạc 100% Cotton.</p> <p>Khối lượng của thạch cao 400g/m² – 420g/m², Khối lượng gạc khoảng 28g/m² - 29g/m².</p> <p>Thời gian ngâm nước 4s - 5s, Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng $\geq 7,5$cm, chiều dài ≥ 460cm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	6 cuộn/túi
3.	Băng chỉ thị màu	<p>Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cố định gói dụng cụ chắc chắn - Phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa - Lớp keo dính chắc phù hợp với nhiều loại vật liệu như vải dệt chưa qua xử lý (nghĩa là 100% cotton có thể tái sử dụng và hỗn hợp cotton / poly) và vải không dệt dùng một lần, giấy và giấy / bao bì nhựa - Lớp nền là một loại giấy crepe màu be và cung cấp độ giãn cần thiết khi gói giãn nở trong quá trình tiệt khuẩn <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước: $\geq (24\text{mm} \times 55\text{m})$ • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016 hoặc tương đương 	20 cuộn/ thùng
4.	Băng cuộn xô 0,07x5m	<p>Sản phẩm được dệt tối thiểu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5</p>	10 cuộn/ gói

		giấy. Độ ngậm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạo. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\%$ +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng giấy. Kích thước: 7cm x 5m - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, QCVN 01:2017/BCT. hoặc tương đương	
5.	Băng keo lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, tối thiểu dệt bằng sợi cellulose acetate Keo: gồm hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt khoảng 8.100-12.700 cP Tiêu chuẩn CE - EU hoặc tương đương kích thước 5cm x 5m	Hộp 1 cuộn
6.	Bộ dây truyền dịch sử dụng 1 lần kim cánh bướm	Dây dẫn cấu tạo tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Dây truyền dịch kèm kim cánh bướm Đầu nối có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.	Túi 1 bộ
7.	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín	Bộ rửa dạ dày hệ thống kín tối thiểu gồm 1 túi dịch vào, 1 túi dịch ra, kết nối với chạc nối chữ T qua hệ thống dây dẫn	01 bộ/ túi
8.	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 25 Cái (Kịch 400 cái)

9.	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 5ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 100 Cái (Kịchn 2000 cái)
10.	Bơm tiêm Insulin 1ml 100UI	<p>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 100 cái
11.	Bơm tiêm nhựa sử dụng một lần 10ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 100 Cái (Kịchn 1200 cái)

12.	Bơm tiêm nhựa 20ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 50 Cái (Kịchn 800 cái)
13.	Bơm tiêm nhựa 50ml	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 25 Cái (Kịchn 400 cái)
14.	Bơm tiêm Insulin 1ml 40UI	<p>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 100 cái
15.	Bông gạc đắp vết thương vải không dệt 6x15cm, VT	Được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có	1 cái/gói

		<p>ting bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Chất tan trong nước $\leq 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%</p> <p>Kích thước: 6 x 15cm, vô trùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA; CE, QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương</p>	
16.	Bông y tế thấm nước	<p>Bông y tế thấm nước tối thiểu 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị rơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$; Độ ẩm: $\leq 8\%$;</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA; CE hoặc tương đương</p>	01 Kg/túi
17.	Canuyl mayo	<p>Tối thiểu chất liệu Polyethylene, không độc hại, không gây dị ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương miệng - Hình dạng ống cong 30 độ, có chế độ hãm miệng - Đã tiệt trùng - Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê - Có các mã màu để phân biệt size số <p>Tiêu chuẩn: ISO13485 hoặc tương đương</p>	01 cái/túi
18.	Catheter 3 nòng	<p>Kích cỡ 7F x 20 cm Bao gồm tối thiểu: 01 catheter 3 nòng (18Ga, 18Ga, 16Ga), tối thiểu chất liệu polyurethane có cản quang với đầu mềm, dây nối dài, kẹp dây, cánh tiêm + 01 Dây dẫn đường kim loại / Nitinol 1 đầu thẳng mềm, 1 đầu chữ J, kích cỡ 0.035” x 60cm + 01 kẹp catheter + 01 kim dẫn đường 18G x 6.5cm (Introducer Needle) + 01 bơm tiêm 5ml + 3 kẹp + 1 nong 8F x 10cm (Vessel dilator) + 03 nắp bảo vệ + 01 kim tiêm + dao mổ số 11</p>	1 bộ/ hộp

19.	Chỉ Chromic Catgut 4/0	<p>Chỉ phẫu thuật tự tiêu sinh học đơn sợi vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm tối thiểu từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng. Chỉ số 4/0, dài ≥ 75cm.</p> <p>Kim tối thiểu thép không gỉ phủ silicon, kim đầu tròn, 1/2C, dài 26mm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	24 sợi/hộp
20.	Chỉ phẫu thuật Polyglactin số 2/0	<p>Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 2/0 dài ≥ 70cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ $< 270 \mu\text{g/m}$). 1 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Đường kính kim ≤ 0.610mm giúp giảm chảy máu chân kim. Kim được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Lực căng giữ vết thương khoảng 75% sau 14 ngày, khoảng 50% sau 21 ngày, khoảng 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: khoảng 56 - 70 ngày.</p> <p>Tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.</p>	36 sợi/hộp
21.	Chỉ phẫu thuật Polyglactin số 4/0	<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài ≥ 75cm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	24 sợi/hộp
22.	Chỉ phẫu thuật Dafilon 2/0	<p>Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm tối thiểu từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26mm. Kim tối thiểu thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	24 sợi/hộp
23.	Chỉ phẫu thuật Dafilon 3/0	<p>Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6. Chỉ số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26mm. Kim tối thiểu thép không gỉ series 300 phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	24 sợi/hộp

24.	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 2/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi từ Polypropylene. Số 2/0, dài ≥ 90 cm, 2 kim đầu tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim tối thiểu thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	12 sợi/hộp
25.	Chỉ phẫu thuật PROLENE số 3/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi từ Polypropylene. Số 3/0, dài ≥ 90 cm, 2 kim đầu tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim tối thiểu thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	12 sợi/hộp
26.	Chỉ phẫu thuật Polyglactin số 1	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1 dài ≥ 90 cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ $< 270 \mu\text{g/m}$). 1 kim tròn đầu tròn taper CT, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Đường kính kim $\leq 1,143$ mm	36 sợi/hộp
27.	Chỉ phẫu thuật Polyglactin số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0 dài ≥ 70 cm, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ $< 270 \mu\text{g/m}$). 1 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Đường kính kim $\leq 0,610$ mm giúp giảm chảy máu chân kim. kim tròn đầu tròn SH. Kim tối thiểu được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Kim bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, đem lại độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Lực căng giữ vết thương khoảng 75% sau 14 ngày, khoảng 50% sau 21 ngày, khoảng 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	36 sợi/hộp
28.	Clip polymer dùng với tay cầm Hemor lock	*Chất liệu tối thiểu: clip chất liệu acetyl homopolymer, không phát ra bức xạ, không tỏa nhiệt ra mô xung quanh trong quá trình sử dụng; nắp chụp khay bằng nhựa PET, khay cài bằng nhựa HDPE, ví đựng clip bằng nhựa ABS, dùng một lần, không tiêu. Thiết kế lỗ giúp giữ clip trong ngoàm của kim, giảm khả năng rơi clip và trượt trong quá trình làm thủ tục. Các răng vuông góc cung cấp độ bao phủ bề mặt lớn hơn, ức chế sự di chuyển, tăng bít mạch máu. * Có khóa an toàn và chắc chắn, đóng gói: 6 cái/ ví; 14	6 cái/ví

		vĩ/ hộp * Có 3 cỡ: ML, L và XL Cỡ ML: đường kính phần lõi của clip khi mở $7.50\pm 0.25\text{mm}$ và $7.9\pm 0.25\text{mm}$ Cỡ L: đường kính phần lõi của clip khi đóng $2.081\pm 0.005\text{mm}$; đường kính phần lõi của clip khi mở $10.20\pm 0.25\text{mm}$ và $10.51\pm 0.25\text{mm}$ Cỡ XL: chiều dài clip (chiều dài chân clip) $16.92\pm 0.1\text{mm}$; chiều rộng clip (độ dày chân clip) $1.305\pm 0.127\text{mm}$; đường kính phần lõi của clip khi đóng $2.695\pm 0.005\text{mm}$; đường kính phần lõi của clip khi mở $14.00\pm 0.45\text{mm}$ và $12.02\pm 0.45\text{mm}$ *Chứng nhận chất lượng: ISO13485, FDA hoặc tương đương	
29.	Cloramin B	- Thành phần hóa học chủ yếu là Sodium Benzensulfochleramin. - Clo hoạt tính chiếm khoảng 25%, dạng bột , - Mùi đặc trưng: mùi hắc đặc trưng của clo - Độ hòa tan trong nước: g/100ml ở 20 độ C: 30g/100ml	Thùng 25kg
30.	Cồn 70 độ	Hàm lượng Ethanol 70% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Can 30 lít
31.	Cồn 96 độ	Hàm lượng Ethanol 96% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Can 30 lít
32.	Dây cáp điện cực đã gắn đầu nối, dùng cho máy điện châm, châm cứu	- Dây cáp điện cực đã gắn đầu nối dùng cho máy điện châm - Vỏ bọc nhựa cách điện, lõi dây đồng. Giác tròn 3.5mm. Dây dài 1,27 m, 1 đầu đục ra 2 đầu kim kẹp hàm cá sấu kim loại - Điện áp 10mA	06 cái/ túi
33.	Dây garo	Được làm tối thiểu bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. Có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. có thể sử dụng lại nhiều lần. • Lực kéo đứt (độ bền kéo): $\geq 100\text{ N}$ • Độ dẫn dài tương đối: $\geq 75\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận CE hoặc tương đương	10 cái/ gói
34.	Dây garo dùng để hỗ trợ truyền tĩnh mạch hoặc lấy máu PT	Chất liệu tối thiểu thun cotton đàn hồi tốt, không rão, độ bền tốt, có khóa nhựa chắc chắn, nhạy, dễ mở.	Gói/ 1 cái

35.	Dây hút dịch phẫu thuật 3.6m	<p>Dây dẫn được làm tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống dài tối thiểu 3,6m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 , tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương</p>	Túi 1 bộ (Kiện 100 bộ)
36.	Dây hút nhót số các số	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 55cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Túi 20 cái (Kiện 500 cái)
37.	Dây nối bơm tiêm điện	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9$ mm - Đường kính ngoài $\leq 1,9$mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9$ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 100 cái (Kiện 1000 cái)
38.	Dây thở oxy cho trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu tối thiểu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000mm, đường kính ngoài ≥ 5mm, lòng ống có khóa chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài ≥ 500mm. 	Túi 25 bộ (Kiện 300 bộ)

		<ul style="list-style-type: none"> - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương 	
39.	Dây thở oxy người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu tối thiểu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥ 2000mm, đường kính ngoài ≥ 5mm, lòng ống có khóa chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài ≥ 500mm. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương 	Túi 25 bộ (Kiện 300 bộ)
40.	Đề lưỡi gỗ	<p>Thành phần cấu tạo: tối thiểu Bằng gỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Chiều dài: khoảng 150mm; Chiều rộng: khoảng 20mm: Độ dày: khoảng 2mm - Sản phẩm đã được tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 100 que; 01que/ túi;
41.	Điện cực dán	<ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu tối thiểu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật + gel rắn dính nhanh chóng và giúp ghi tín hiệu tốt + Size 43x45mm 	50 cái/ gói
42.	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu chất liệu thép không gỉ -các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ 0.5mm-5.0mm - hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; - Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) hoặc tương đương 	10 Cái/túi
43.	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	<p>Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w).</p> <p>Thành phần phụ: Chất đệm, chất khóa ion kim loại nặng, chất tạo màu, chất chống ăn mòn benzotriazole 0.01%, Nước tinh khiết.</p> <p>Hệ đệm pH =7-9.</p> <p>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút.</p> <p>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)</p> <p>Vi khuẩn : EN 14561</p> <p>Nấm, mốc : EN 14562</p> <p>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563</p> <p>Virus: EN 17111</p> <p>Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.</p>	Can 5 lít

44.	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	<p>- Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate (chlorhexidine gluconate) 4,0 % (w/w).</p> <p>- Hệ chất dưỡng da, dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate, Propylene glycol,...</p> <p>- Chất hoạt động bề mặt: Cocamidopropylamine Oxide, Lauramine Oxide, Cocamide Diethanolamine, Caprylyl/Capryl Glucoside.</p> <p>- Chất làm đặc: Hydroxyethylcellulose</p> <p>- Chất điều chỉnh pH, chất tạo màu, hương liệu.</p> <p>- Nước tinh khiết</p> <p>Chiều dài vòi bơm 65mm</p> <p>Đạt tiêu chuẩn EN 12791 hoặc tương đương</p>	Can 5 lít
45.	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	80% w/v Ethanol + 7.2% w/v Isopropanol + 0.5% w/v Chlorhexidine gluconate chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu	10 chai/ thùng
46.	Gạc củ ấu sản khoa	<p>Sản xuất từ gạc hút nước tối thiểu 100% cotton có độ thấm hút cao. Sợi săn chắc, đồng đều, trắng, mịn, mềm mại. Dùng trong y tế, dùng đắp vết thương, vết mổ cầm máu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. • Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. • Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. • Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. • Độ ẩm không quá 8%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. • Kích thước: 5cm x 5cm x 6 lớp, vô trùng. • Đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. • Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA; CE, QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương</p>	10 cái/ gói
47.	Gạc hút	<p>Gạc được dệt từ tối thiểu sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm</p>	100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện

		<p>lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Quy cách: khổ $\geq 0.8m$,</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA; CE, QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương.</p>	
48.	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp	<p>Gạc được sản xuất tối thiểu từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, chất liệu mềm mịn, có màu trắng đồng nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không mùi, không có bụi bẩn, sơ sợi lạ, không dính tạp chất. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. • Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq 5gr$ nước/1gr gạc. • Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5% • Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. • Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. • Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng, • Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. • Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương. <p>Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm: Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA; CE, QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương.</p>	10 cái/ gói
49.	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30x40x6 lớp	<p>Gạc được dệt từ tối thiểu sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước $\geq 5gr$ nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%.</p> <p>Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương.</p> <p>Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Quy cách: 30 x 40 x 6 lớp, vô trùng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA; CE; QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương</p>	5 miếng/ gói

50.	Găng tay khám	Chất liệu tối thiểu cao su, có bột, các cỡ	50 đôi/ hộp
51.	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7.0	Chất liệu tối thiểu cao su tự nhiên, có bột chống dính, đã tiệt khuẩn	01 đôi/túi, 50 đôi/hộp
52.	Găng tay sản khoa	Làm tối thiểu từ cao su tự nhiên; đã tiệt trùng; phân biệt 2 tay trái phải, chiều dài $\geq 450\text{mm}$. Tiêu chuẩn chất lượng: 13485:2016 hoặc tương đương	01 đôi/túi, 50 đôi/hộp
53.	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Tuýp 82g
54.	Gel siêu âm	Thành phần: Nước tinh khiết, Carbomer, glycerin... Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Can 5 lít
55.	Giấy điện tim 12 cần	Kích thước rộng 210mm x $\geq 20\text{m}$	01 cuộn/túi
56.	Giấy in Monitor sản khoa	Kích thước 152mmx 90mm x 150 tờ	01 tập/túi
57.	Helicobacter Pylori Test Kit	Test thực hiện HP trong mẫu bệnh phẩm (sinh thiết dạ dày) hoặc trên môi trường nuôi cấy (mẫu bệnh phẩm sinh thiết dạ dày). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50 Test/ Hộp
58.	Hóa chất Formalin (Hồn hợp Formmaldehyde) CH ₂ O (Formal)	Dung dịch Formaldehyde Solution.	Chai 500ml
59.	Hộp an toàn	Chất liệu tối thiểu giấy carton, dung tích ≥ 5 lít	100 cái/ bao
60.	Kẹp rốn	chất liệu được làm tối thiểu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương	Hộp 100 Cái (Kịch 3000 cái)
61.	Khẩu trang y tế	Khẩu trang giấy kháng khuẩn ≥ 4 lớp gồm tối thiểu 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%.	1 cái/túi x hộp 50 cái (Kịch 2500 cái)

		<p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn: FDA, EN ISO 13485:2016; EN ISO 11135: 2014, ISO 9001 :2015 hoặc tương đương.</p> <p>Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO hoặc tương đương.</p>	
62.	Khóa ba chạc truyền dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm tối thiểu từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương 	Hộp 50 cái (Kịch 500 cái)
63.	Kim châm cứu các số	<p>Chất liệu tối thiểu bằng thép không gỉ, đã tiệt khuẩn, các cỡ</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương hoặc tương đương</p>	10 cái/vi 10 vi/hộp
64.	Kim chích máu loại đầu xoay	<p>Chất liệu kim tối thiểu bằng thép không gỉ: Cỡ kim 28G, vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, tiệt trùng</p>	100 cái/hộp
65.	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 25G	<p>Mũi kim dạng quincke cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89, 27G 0,4 x 89.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC hoặc tương đương. Có tối thiểu 01 FSC nước thuộc G7</p>	20 cái/ hộp
66.	Kim luồn laser nội mạch không cánh	<p>Chất liệu Catheter ETFE (Ethylen Tetra Flour Ethylen), có chứa chất cản quang, lưu Catheter được ≥ 72h, được tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử (EB) hoặc tương đương;</p> <p>Các cỡ 14Gx2 1/2" (I.D.1.73 x64mm, 16G x2"(I.D.1.30x51mm), 18G x 2"(I.D.0.95x51mm), 20G x2" (I.D.0.80 x51mm), 22G x 1" (I.D. 0.60 x25mm), 24G x3/4" (I.D.0.47x19mm).</p> <p>Tốc độ dòng chảy đối với các kích cỡ: Cỡ 20G: 55ml/phút Cỡ 22G: 35ml/phút</p>	50 cái/ hộp

		Cỡ 24G: 15ml/phút. Kim lườn tĩnh mạch không có cánh.,	
67.	Kim lườn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc cỡ 18G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm tối thiểu từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) hoặc tương đương. - Thời gian lưu kim ≥ 96 giờ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	100 cái/ 1 hộp 1000 cái/ 1 kiện
68.	Kim lườn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc cỡ 22G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm tối thiểu từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) hoặc tương đương. - Thời gian lưu kim ≥ 96 giờ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	100 cái/ 1 hộp 1000 cái/ 1 kiện
69.	Kim lườn tĩnh mạch có cánh, có công bơm thuốc cỡ 24G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm tối thiểu từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO (Ethylene Oxide) hoặc tương đương. 	100 cái/ 1 hộp 1000 cái/ 1 kiện

		<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian lưu kim ≥ 96 giờ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	
70.	Kim quang laser nội mạch	<p>Được sử dụng trong điều trị chiểu nội mạch Kim được làm tối thiểu từ vật liệu đại phân tử nên mềm, dẻo và có thể giữ song song với mạch máu, ít có khả năng làm tổn thương tĩnh mạch hơn so với kim làm bằng thép. Khử trùng bằng Ethylene Oxide hoặc tương đương Các cỡ</p>	50 cái/hộp
71.	Kim tiêm 18G	<p>Kim các số 18Gx1 1/2", Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương</p>	Hộp 100 Cái (Kiện 10000 cái)
72.	Lưỡi dao mổ số 11	<p>Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	100 cái/ hộp
73.	Lưỡi dao mổ số 21	<p>Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	100 cái/ hộp
74.	Mask Oxy có túi	<p>Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khóa chống gập - Các cỡ: S, M, L, XL. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương</p>	Bịch 10 bộ (Kiện 100 bộ)
75.	Mặt nạ xông khí dung	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương 	Bịch 10 bộ (Kiện 100 bộ)

		đương - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 hoặc tương đương	
76.	Mũ phẫu thuật	Tối thiểu vải không dệt polypropylen. Vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	100 cái/túi
77.	Nẹp lòng máng 8 lỗ	- Nẹp dày 1.5mm; rộng 12mm. Nẹp có 8 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
78.	Nẹp vis 10 lỗ	- Nẹp dày 4.5mm; rộng 12mm. Nẹp có từ 2 đến 15 lỗ tương đương với độ dài 80.7mm đến 260.7mm. Khoảng cách giữa các lỗ 16.0mm - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
79.	Nẹp vis 8 lỗ	- Nẹp dày 4.5mm; rộng 12mm. Nẹp có từ 2 đến 15 lỗ tương đương với độ dài 80.7mm đến 260.7mm. Khoảng cách giữa các lỗ 16.0mm - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
80.	Nẹp vis 6 lỗ	- Nẹp dày 4.5mm; rộng 12mm. Nẹp có từ 2 đến 15 lỗ tương đương với độ dài 80.7mm đến 260.7mm. Khoảng cách giữa các lỗ 16.0mm - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
81.	Nẹp mắt xích 6 lỗ	- Nẹp dày 2.0mm; rộng 10mm. Nẹp có 6 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
82.	Nẹp mắt xích 4 lỗ	- Nẹp dày 2.0mm; rộng 10mm. Nẹp có từ 4 đến 25 lỗ - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
83.	Nẹp vis 8 lỗ bản nhỏ	- Nẹp dày 4.0mm; rộng 10mm. Nẹp có từ 2 đến 12 lỗ - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi

84.	Nhiệt kế thủy ngân	- Dùng để đo nhiệt độ, có vạch chia rõ nét, dễ quan sát. - Khoảng đo: Từ 32°C – 42°C Thành phần gồm: 97-98% thủy tinh; 1-2% thủy ngân (Hg); < 1% Bạc (Ag) Nhiệt kế có thể cho kết quả trong vòng 60s và độ chính xác lên đến 0,1°C	Hộp 12 cái
85.	Nước cất	Nước cất 2 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Can 5 lít
86.	Nước ngâm chân	Thành phần tối thiểu: Ngải cứu, Lá lốt, Muối, Gừng, Sả củ, Hương nhu, Địa liền, Tinh dầu Khuynh diệp, Tinh dầu Long não, Huyết giác, Uy linh tiên, Thiên niên kiện. Phụ liệu: Acidbenzoic, PEG 40, nước tinh khiết.	Can 1 lít
87.	Ống nội khí quản các số	Ống đặt nội khí quản các cỡ. Có bóng và có cản quang	10 cái/ hộp
88.	Soda Ashlight	Sodium Carbonate (Soda Ash Light)	Bao 25kg
89.	Sonde cho ăn số 14	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 25 cái (Kiện 500 cái)
90.	Sonde cho ăn số 16	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 25 cái (Kiện 500 cái)
91.	Sonde cho ăn số 18	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 25 cái (Kiện 500 cái)

92.	Sonde cho ăn số 6	<p>Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr). Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Túi 25 cái (Kiện 500 cái)
93.	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	<p>Chất liệu tối thiểu cao su hoặc PVC</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	01 cái/túi
94.	Sonde Foley 2 nhánh các số	<p>Chất liệu tối thiểu 100% cao su tự nhiên, có phủ dầu silicon trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân, không chứa DEHP. Loại 2 nhánh size 14.</p> <p>Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	01 cái/túi
95.	Sonde hậu môn các số	<p>Ống thông hậu môn các số. Dây dẫn dài ≥ 400mm được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo.</p> <p>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Túi 20 cái (Kiện 500 cái)
96.	Tay dao mổ điện dùng một lần	<p>Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao tối thiểu bằng thép không gỉ, đường kính 2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời Chiều dài điện cực: khoảng 70mm.</p> <p>Chiều dài cáp: ≥ 3m Chiều dài tay cầm: khoảng 155mm.</p> <p>Loại chân cầm: 3 chân tròn (3 x Ø4mm).</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	01 cái/túi
97.	Tay nắm ống nối hút dịch	<p>Chất liệu tối thiểu: nhựa nguyên chất trong y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kết nối với ống nối hút dịch. - Đường kính trong của đầu tay cầm: 7mm \pm 5% - Chiều dài: 27cm. Độ cong 340 \pm 50 - Loại: Crown Tip. Có valve (có lỗ trên tay cầm) - Đã tiệt trùng EO hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương 	01 cái/túi
98.	Test chỉ thị	<p>Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt 	500 miếng/ gói

		<p>khuẩn: thời gian, nhiệt độ và hơi nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. - Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bắc giấy • Kích thước: 5.1cm x 1.9cm • Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học • Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121–135°C • Đọc kết quả với thiết kế vạch màu dịch chuyển qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt. • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng ≥ 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm <0.1%, Polypropylene <0.1%, Coatings <0.01%, Mực <0.1% - Sản phẩm không chứa chì • Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140-1:2014. • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016 hoặc tương đương 	
99.	Que thử đường huyết	<p>Que thử xét nghiệm đường huyết tối thiểu Sử dụng enzyme: GOD (Glucose Oxidase) Thể tích mẫu: 0.9 microlit</p> <p>Thành phần thuốc thử (cho 100 que thử): Men Glucose Oxidase (GOD) 300 đơn vị; Potassium ferricyanide (chất trung gian) 9.0 mg</p> <p>Không sử dụng code-chip Điện cực mạ vàng 99%</p> <p>Thời gian xét nghiệm: khoảng 5 giây (có thể chứng minh nếu cài thông số Ngay lập tức)</p> <p>Loại mẫu: máu toàn phần mao mạch tươi (tại đầu ngón tay, bàn tay, cẳng tay hoặc trên cánh tay)</p> <p>Khoảng hematocrit: ≤ 20 - $\geq 60\%$</p> <p>Khoảng xét nghiệm: ≤ 10 - ≥ 600mg/dL (≤ 0.6 - ≥ 33.3 mmol/L)</p> <p>Sử dụng cùng máy thử đường huyết SD CodeFree™ Blood Glucose Meter</p>	50 test/ hộp
100.	Test đường huyết	<p>Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD)</p>	50 Test/Hộp

		<p>Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 µg. Thời gian đo: 10 giây Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch Phạm vi HCT: ≤25 - ≥60% , Điều kiện làm việc: ≤5 - ≥45°C; ≤10 - ≥90% RH Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, CE, FDA hoặc tương đương</p>	
101.	Túi Camera nội soi	<p>1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2,2mm x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2,2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; chứng nhận CE hoặc tương đương</p>	1 cái/ gói
102.	Túi đựng nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ ≥2000ml, độ dày khoảng 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào khoảng 90cm. Có quai treo tối thiểu bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương 	Bịch 10 cái (Kịch 250 cái)
103.	Viên khử khuẩn	<p>Thành phần chính: Viên sủi khử khuẩn 5g, mỗi viên chứa 2,5g hoạt chất. Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%,</p>	100 viên/ hộp

		thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5-6.7) Thành phần chính có tác dụng khử khuẩn đạt tới $\geq 90\%$ Tiêu chuẩn chất lượng GMP hoặc tương đương	
104.	Vít xoắn F35	- đường kính ren 4.0mm; ren ngắn 1/3, đường kính mũ vít 5.9mm, mũ tô vít 2.5mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 20mm đến 30mm; tăng 5mm từ 30mm đến 60mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 Cái/ túi
105.	Vít cấy tay 4.5x30mm	- Đường kính mũ vít 8.0mm; Đường kính thân ren 4.5mm; đường kính lõi vít 3.0mm - Vít có độ dài từ 10mm đến 100mm với bước tăng 2mm và từ 105mm đến 150mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương	5 Cái/ túi
106.	Vít xương 4.0mm	- Đường kính mũ vít 6.0mm; Đường kính thân ren 4.0mm; đường kính lõi vít 2.8mm - Vít có độ dài từ 10mm đến 60mm với bước tăng 2mm và từ 65mm đến 150mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương	5 Cái/ túi
107.	Xà phòng trung tính	Sodium lauryl ether sunphate, Coconut fatty acid, Diethanol Amide; Cocamido propyl betain, chất bảo vệ, dưỡng da, hương liệu.	Chai 1 lít
108.	Hemo clip các cỡ	Kẹp cầm máu dùng trong nội soi tiêu hóa Cấu tạo góc của răng (độ mở) 90 độ Đường kính dụng cụ: 2.6mm Độ mở kẹp có các loại 10mm, 12mm, 15mm, 17mm Có lớp vỏ bao phủ toàn bộ thân kẹp Chiều dài dụng cụ có các loại 1650mm, 1950mm, 2350mm Kẹp cầm máu đúng vị trí nhờ chức năng đóng và mở nhiều lần Có thể xoay 360 độ theo 2 chiều Phù hợp ống soi có đường kính kênh dụng cụ 2.8mm Tích hợp sẵn tay cầm có 1 vòng tròn Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn FDA và CE hoặc tương đương	01 cái/túi

109.	Kim tiêm cầm máu	Kim tiêm cầm máu trong nội soi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/hộp
110.	Bộ Endoloop (bộ thắt 1 lần)	Lọng thắt Polyp. Dùng cắt, đốt Polyp dạ dày, đại tràng. Kết nối được với tất cả các máy cắt đốt.	01 cái/túi
111.	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 bộ/hộp
112.	Snare cắt Polip (Nhiệt)	Thòng lọng cắt polyp Phù hợp với cắt nóng và cắt lạnh Hình oval, xoay được Đường kính dụng cụ 2.4mm Chiều rộng loop có các cỡ 10mm, 15mm, 25mm, 35mm Có các chiều dài 1600mm, 1800mm, 2300mm Tiệt khuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/túi
113.	Kim nhiệt (Dạ dày)	Kim sinh thiết trong nội soi tiêu hóa Phù hợp với kênh soi 2.8mm Đường kính: 2.4mm Có các chiều dài 1200mm, 1600mm, 1800mm, 2300mm Có lớp bọc bao phủ thân kim Tiêu chuẩn FDA và CE hoặc tương đương	01 cái/gói
114.	Kim nhiệt (Đại tràng)	Kim sinh thiết trong nội soi tiêu hóa Phù hợp với kênh soi 2.8mm Đường kính: 2.4mm Có các chiều dài 1200mm, 1600mm, 1800mm, 2300mm Có lớp bọc bao phủ thân kim Tiêu chuẩn FDA và CE hoặc tương đương	01 cái/gói
115.	Ngáng miệng (có dây)	Chất liệu tối thiểu bằng nhựa polyethylene (PE) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/ túi
116.	Kim sinh thiết dạ dày	Kim sinh thiết trong nội soi tiêu hóa Phù hợp với kênh soi 2.8mm Đường kính: 2.4mm Có các chiều dài 1200mm, 1600mm, 1800mm, 2300mm Có lớp bọc bao phủ thân kim Chứng chỉ: CE, FDA hoặc tương đương	01 cái/gói
117.	Kim sinh thiết đại tràng	Kim sinh thiết trong nội soi tiêu hóa Phù hợp với kênh soi 2.8mm Đường kính: 2.4mm Có các chiều dài 1200mm, 1600mm, 1800mm, 2300mm	01 cái/gói

		Có lớp bọc bao phủ thân kim Chứng chỉ: CE, FDA hoặc tương đương	
118.	Cán dao mổ các số	Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Có thể hấp tiệt trùng tại nhiệt độ 134°C Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/túi
119.	Nẹp lòng máng 6 lỗ	- Nẹp dày 1.5mm; rộng 12mm. Nẹp có 6 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn ASTM A 276 Grade 316L; ISO 13485 hoặc tương đương - Chất liệu tối thiểu thép không gỉ	1 Cái/ túi
120.	sond tiểu nelaton cỡ trẻ em	Ống thông tiểu thẳng cỡ 8FG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/túi
121.	Bộ dây máy thở 2 bể nước 5 nhánh	Cấu hình gồm: 4 đoạn dây dài 80cm (mỗi nhánh gồm 2 dây, dài 1.6m), đường kính trong 22mm cho người lớn và 15mm cho trẻ em, cắt chữ Y có cổng lấy mẫu, cắt góc với cổng lấy mẫu có khoá Luer, đoạn 60cm nối với bình làm ẩm, cắt nối 2 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/túi
122.	Phin lọc máy thở 3 chức năng HME MEDITERA lọc khuẩn, làm ẩm và làm ấm	- Có công xoay và nắp lọc tĩnh điện - Sự kháng (tại 30LPM): 60PA - Không gian chết: 32ml - Thể tích: 250-1500ml - Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): ≥99,9% - Hiệu quả lọc virus (VFE): ≥99,9% - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	01 cái/túi
123.	Sâu máy thở	Chất liệu bằng nhựa dùng trong y tế - Dạng lò so, dùng cho máy thở - Có cổng lấy mẫu khí và nắp đậy cố định - Đầu nối: 22M/15F - Kích thước: Chiều dài ≥ 15cm - Đầu nối khủy 90° - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016 hoặc tương đương	01 cái/túi
124.	Dây thông tiểu nam	Ống thông tiểu thẳng cỡ 8FG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 cái/túi

125.	Điều ngải	Thành phần: Ngải nhung đặc chế	10 cái/gói
126.	Dây lọc máu	Chất liệu tối thiểu nhựa y tế, thành phần chính gồm 2 dây động mạch và tĩnh mạch, tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 bộ/túi
127.	Kim chạy thận nhân tạo	Cấu tạo gồm: phần dây gắn liền kim, kim có đủ tối thiểu 2 trong 3 cỡ 15G, 16G và 17G	700 cái/thùng
128.	Quả lọc thận nhân tạo	Low flux - Chất liệu màng tối thiểu: Fresenius Polysulfone - Diện tích màng: $\geq 1,6m^2$ - Thể tích môi: khoảng 96ml - Hệ số siêu lọc: ≥ 16 (ml/h x mmHg) - Chất liệu vỏ bọc: tối thiểu polycarbonate - Độ dày thành sợi/đường kính sợi (micromet): 40/200 - Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea 247, Creatinin 220, Phosphate 186, Vitamin B12: 113 - Phương pháp tiệt trùng: hơi nước Inline steam hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	12 quả/thùng
129.	Catherter thận nhân tạo 2 nòng	Cấu tạo 2 nòng, dùng cho lọc máu thận nhân tạo thông thường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	01 bộ/hộp
130.	Dung dịch khử trùng quả lọc thận nhân tạo	Thành phần tối thiểu: Acid peracetic: 4.2%, Hydrogen peroxide: 30%, Acid acetic: 4.9%; Công dụng diệt vi khuẩn, diệt nấm, diệt bào tử, diệt virus, tẩy trùng dùng trong thận nhân tạo. Tính tương thích hệ thống: không giới hạn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Can 5kg (4,4L)
131.	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: Natri clorid: 210,68 g Kali clorid: 5,22 g Calci clorid.2H ₂ O: 9,00 g Magnesi clorid.6H ₂ O: 3,56 g Acid acetic băng: 6,31g Glucose.H ₂ O: 38,50 g (= 35g Glucose khan) Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 hoặc tương đương, vừa đủ: 1.000 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Được đóng kín bằng màng seal nhôm	Can 10 lít

		- Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	
132.	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,00 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 hoặc tương đương vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can 10 lít
133.	Gạc chạy thận nhân tạo	- Gạc hút nước 100% cotton, có độ thấm hút rất cao. 25-30 g/m ² . Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. pH: Trung tính. Dùng để chèn ép, cầm máu động mạch khi chạy thận. Kích thước 3,5cm x 4,5cm x 80 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; ISO 11135:2014; Chứng nhận đăng ký FDA; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT hoặc tương đương.	30cái /gói, 3000 cái/thùng
134.	Phin lọc khí	- Có cổng xoay và nắp lọc tĩnh điện - Sự kháng (tại 30LPM): khoảng 60PA - Không gian chết: khoảng 32ml - Thể tích: 250-1500ml - Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): ≥99,9% - Hiệu quả lọc virus (VFE): ≥99,9% - Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	01 cái/túi
135.	Muối hoàn nguyên	Viên chứa NaCl ≥ 99,5%	Bao 25 kg
136.	Javen	Javen 10 - 12%, có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng TCCS	Can 30 lít
137.	Acid Citric	Acid Citric.	Bao 25 kg
138.	Test thử hiệu năng Peracetic Acid trong chạy thận nhân tạo	Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide tối thiểu từ: 400, 600 và 800 ppm	100 Que/lọ
139.	Test thử tồn dư Peroxide trong chạy thận nhân tạo	Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide tối thiểu từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm	100 Que/lọ

140.	Test kiểm tra độ cứng của nước	Có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng >120 ppm	50 Que/lo
141.	Test kiểm tra tồn dư chlorine	Có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0; 0,1; 0,5 và 3ppm	100 Que/lo
142.	Lỗi lọc 5 micron 20"	Kích thước dài 20 inch, Kích thước lỗ lọc: 5 micromet.	01 cái/túi
143.	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ	Dụng cụ kiểm tra rò rỉ ống soi. Tương thích với ống soi Olympus	01 cái/hộp
144.	Băng dính	Băng dính vải đa dụng: - Nền vải lụa acetate taffeta mịn, mềm, không đàn hồi với độ bền kéo mạnh. - Nền Aceta teffeta 30 - 60%; Keo Acrylate 20-40% (không chứa mù cao su), độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Xé theo 2 chiều - Kích thước: 5cm x 9.1m - Lõi giấy - Chống thấm nước.	Hộp 6 cuộn
145.	Bơm tiêm 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm tối thiểu bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương.	Hộp 100 cái (Kiện 4200 cái)

3. Các yêu cầu khác

- Nộp bản cam kết và thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư các nội dung sau:
 - + Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
 - + Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;
 - + Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến

02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa;

+ Cung cấp hàng mẫu trong trường hợp có yêu cầu của Chủ đầu tư;

+ Thời gian giao hàng: Chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua (bằng E-mail hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp); Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất, khẩn cấp... bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ;

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư;

+ Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT;

+ Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất.

- Nhà thầu chuẩn bị 1 bộ E-HSDT bản gốc để Chủ đầu tư lưu trữ khi được mời đối chiếu tài liệu.